

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-PT

Ngày 28 - 7- 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc “ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 21/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố O, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1988, (có mặt)

Địa chỉ: Số 7/139, ấp P, xã N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1984, (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà C, Luật sư Công ty D, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (xin vắng mặt có gởi bài phát biểu).

3. *Người kháng cáo:* Anh B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào năm 2012 chị A và anh B tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu, ngày 25/6/2012. Quá trình chung sống anh chị có hai con chung tên E, cháu trai sinh ngày 03/12/2012 và F, cháu gái sinh ngày 05/01/2019, hiện đang sống với chị A. Chị A cùng các

con về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh B từ đầu năm 2021. Chị A và anh B không có tài sản chung, không nợ ai.

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị A trình bày: Do chị và anh B phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và cách đối xử với gia đình hai bên, dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Chị A xin ly hôn với anh B; yêu cầu tiếp tục nuôi hai con và anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn anh B trình bày tại các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa: Do chị A mâu thuẫn với gia đình anh nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Chị A xin ly hôn, anh cảm thấy không thể hàn gắn, nên đồng ý ly hôn; yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và anh không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con.

Từ nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 21/2022/HNGĐ-ST ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố O, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Giao cháu E, sinh ngày 03/12/2012 và cháu F, sinh ngày 05/01/2019 cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, (cả hai đang sống cùng chị A được giữ nguyên). Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng từ tháng 6/2022 cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị A đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007016 ngày 20/10/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố O, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí. Anh B phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về áp dụng lỗi suất, Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/5/2022 anh B kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, anh không đồng ý giao con cho chị A nuôi, yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh B rút một phần kháng cáo, yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, anh chỉ xin được nuôi cháu E, sinh ngày 03/12/2012 và đồng ý giao cháu F, sinh ngày 05/01/2019 cho chị A nuôi.

Luật sư C bảo vệ quyền lợi cho anh B trình bày cho rằng: Về điều kiện nuôi con của anh B tốt hơn giao con cho chị A nuôi. Anh B có đất canh tác làm rẫy trồng hoa màu diện tích hơn 10 công; các cháu trước giờ cũng sống tại gia đình anh B, cháu E lại là cháu đích tôn của gia đình nên sẽ được hưởng nhiều quyền lợi. Chị A hiện khai thu nhập chính từ khoản tiền đi giúp việc và bán hàng trên mạng, nhưng cũng không có hợp đồng lao động và là thu nhập không ổn định. Việc hai con chung cháu E, cháu trai sinh ngày 03/12/2012 và F, cháu gái sinh ngày 05/01/2019, sống với chị A là khó khăn. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của anh B.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử về nuôi con chung, giao cháu E, sinh ngày 03/12/2012 và cháu F, sinh ngày 05/01/2019 cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, do cả hai đang sống cùng chị A là giữ ổn định và đã có tham khảo hỏi ý kiến nguyện vọng của con là cháu E. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh B và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị A và anh B tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Về nuôi con: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung tên E, cháu trai sinh ngày 03/12/2012 và F, cháu gái sinh ngày 05/01/2019, hiện đang sống với chị A. Anh B kháng cáo xin nuôi một con là cháu E, cháu trai sinh ngày 03/12/2012.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị A không đồng ý giao con cho anh B nuôi, cho rằng anh B không biết chăm sóc con, nên chị không yên tâm giao con cho anh B nuôi.

Xét thấy: Về điều kiện nuôi con, anh B đang sống cùng cha mẹ, canh tác làm rẫy (trồng hoa màu) trên đất hơn 10 công của gia đình, là thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Chị A hiện đang sống cùng cha mẹ trực tiếp nuôi hai con, thu nhập chính từ khoản tiền đi giúp việc và bán hàng trên mạng.

Tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân gia đình về nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng quy định: “1. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên...”.

Do vậy, nếu để chị A trực tiếp nuôi, chăm sóc, giáo dục cả hai con, với thu nhập chính từ khoản tiền đi giúp việc và bán hàng trên mạng là thu nhập không ổn định và khó khăn về vật chất cũng như thời gian chăm sóc con. Hai con chung cháu E, cháu trai sinh ngày 03/12/2012 và cháu F, cháu gái sinh ngày 05/01/2019, hiện đang sống với chị A, cần chia giao cho cả hai anh chị đều có trách nhiệm nuôi con, mỗi người có trách nhiệm trực tiếp nuôi một cháu, cụ thể giao cháu trai E, sinh ngày 03/12/2012 cho anh B trực tiếp nuôi và giao cho chị A trực tiếp nuôi cháu gái F, sinh ngày 05/01/2019 cũng là phù hợp và đảm bảo quyền lợi của con, quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi con của cả cha và mẹ khi ly hôn.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, do hai anh chị mỗi người đều trực tiếp nuôi một con chung, nên không buộc bên này phải cấp dưỡng cho bên kia.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có cơ sở chấp nhận như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh B là chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh B, không chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, mà sửa bản án sơ thẩm về nuôi con, giao cháu trai E, sinh ngày 03/12/2012 cho anh B trực tiếp nuôi và giao cháu gái F, sinh ngày 05/01/2019 cho chị A trực tiếp nuôi.

Tuy nhiên, sau này khi chị A đã giao con cháu E, sinh ngày 03/12/2012 cho anh B trực tiếp nuôi, nếu có đầy đủ căn cứ cho rằng anh B trực tiếp nuôi con là không đảm bảo; hay có căn cứ chị A trực tiếp nuôi con không đảm bảo, thì các đương sự đều có quyền yêu cầu xin thay đổi nuôi con, hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (nếu cần thiết) bằng vụ án khác, theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ở vụ án này chị A xin ly hôn, trước khi mở phiên tòa tại phiên hòa giải, anh B và chị A đã thuận tình ly hôn, đáng lẽ cấp sơ thẩm xét xử có mặt hai anh chị tại phiên tòa phải tuyên về hôn nhân công nhận thuận tình ly hôn và chị A chỉ phải chịu 50% án phí là 150.000 đồng; cấp phúc thẩm sửa án phần này cho phù hợp và bảo đảm quyền lợi của đương sự.

Án phí dân sự phúc thẩm anh B không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh B và sửa một phần Bản án sơ thẩm số 21/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố O, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A với anh B.

2. Về con chung: Giao cháu E, sinh ngày 03/12/2012 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu F, sinh ngày 05/01/2019 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Cháu E, sinh ngày 03/12/2012 đang sống cùng chị A. Buộc chị A giao cháu E, sinh ngày 03/12/2012 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị A và anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí hôn nhân 50% là 150.000 đồng. Chị A tự nguyện nộp, đã dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007016 ngày 20/10/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố O, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại 150.000 đồng, (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí phúc thẩm anh B không phải nộp, anh B đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0007621 ngày 01/6/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố O, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố O;
- CCTHADS thành phố O;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

- UBND xã N, thành phố O;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

Nguyễn Thị Thu Hương